

LOCAL GOVERNANCE IN THE CONTEXT OF DIGITAL TRANSFORMATION IN VIETNAM NOW

Nguyen The Vinh

Thu Dau Mot University, Binh Duong

Email: thevinhbtg1986@gmail.com

Received: 17/10/2022; Reviewed: 21/10/2022; Revised: 24/10/2022; Accepted: 31/10/2022; Released: 18/11/2022

DOI: <https://doi.org/10.54163/0866-773X/775>

Digital transformation in national governance has become an inevitable trend of countries around the world. For Vietnam, digital transformation is one of the Government's top concerns in the Industrial Revolution 4.0. In fact, Vietnam is one of the first countries in the world to issue a National Digital Transformation Strategy, making Vietnam to be a country with digital transformation awareness in parallel with advanced countries in the world. Thereby, state governance in general and local governance in particular associated with digital transformation has changed the perception of the country's leaders, especially at the local level, contributing to improving the quality of governance in all aspects of Vietnamese localities in new conditions.

Keywords: *Binh Duong; Locality; Local governance; Digital transformation; Vietnam.*

1. Đặt vấn đề

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư mà cốt lõi của nó là quá trình chuyển đổi số (CDS) với sự tích hợp của số hóa, kết nối, siêu kết nối và xử lý dữ liệu thông minh. Đây là quá trình phát triển tất yếu trên toàn cầu và Việt Nam cũng không thể nằm ngoài lộ trình ấy. Thực hiện CDS thành công sẽ góp phần tạo bứt phá trong phát triển bền vững kinh tế ở Việt Nam khi các nguồn lực cho phát triển có “giới hạn”. Trong đó, quản trị địa phương được hiểu là việc thiết lập, vận dụng, thực thi một tập hợp các nguyên tắc theo quy trình xác định và đã được thống nhất dựa trên quyết định của tập thể. Tính tương tác của quản trị địa phương, cả về đối tượng và quy trình, cho thấy công việc này có rất nhiều thách thức để đáp ứng mong đợi doanh nghiệp và người dân sử dụng dịch vụ. Với vai trò dẫn dắt và là cầu nối của các chủ thể, CDS trong quản trị địa phương sẽ kéo theo những thay đổi theo hướng tích cực của các ngành dịch vụ công khác bằng cách vượt qua các rào cản năng lực công nghệ, tăng cường trao đổi, thúc đẩy tự động hóa,... hướng đến ứng dụng công nghệ mới, tăng khả năng cạnh tranh và sáng tạo của nền kinh tế tri thức. CDS gắn với quản trị địa phương nhằm tăng tính minh bạch, ngăn chặn hành vi tham nhũng, qua đó thúc đẩy tăng trưởng kinh tế (Sheikh và các cộng sự, 2021). Như vậy, có thể hiểu CDS trong quản trị địa phương đó là khả năng đáp ứng xu thế thay đổi nhanh của công nghệ, sự minh bạch trong quản trị và góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Với ý nghĩa đó, bài viết này tập trung phân tích quá trình nhận thức của Đảng về

CDS trong quản trị địa phương ở Việt Nam, từ đó chỉ ra những yêu cầu thúc đẩy CDS trong khu vực công ở Việt Nam. Đồng thời, bài viết cũng đưa ra quan điểm CDS trong khu vực công và định hướng phát triển trong tương lai.

2. Tổng quan nghiên cứu

Xuất phát từ vị trí, tầm quan trọng của đề tài nghiên cứu, lĩnh vực này được khá nhiều tác giả trong nước đã đặc biệt quan tâm nghiên cứu, có thể kể đến một số công trình nghiên cứu tiêu biểu, như: Đào Bảo Ngọc (2015), “Mô hình quản trị địa phương của một số quốc gia Châu Âu”, đã nghiên cứu về mô hình tự quản địa phương cả ở mặt lý luận và thực tiễn, tác giả cũng nêu ra được các mô hình quản trị địa phương ở các quốc gia Châu Âu, chỉ rõ được đặc điểm của mỗi mô hình, điều kiện vận hành mô hình, ưu và nhược điểm của các mô hình quản trị địa phương ở các quốc gia nghiên cứu. Bài viết của Đào Thị Thanh Thủy (2016), “Quản trị địa phương - phương thức nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương”, đăng trên tạp chí Tô chức nhà nước đã nghiên cứu những vấn đề chủ yếu sự khác nhau giữa quản lý chính quyền địa phương kiểu cũ và quản trị địa phương, nêu ra quan điểm về quản trị địa phương, các đặc điểm của quản trị địa phương, ý nghĩa và hiệu quả của quản trị địa phương nói chung. Trong nghiên cứu của Trần Thị Phương (2016), “Tự quản địa phương trong hiến chương Châu Âu - Liên hệ với Việt Nam”, được đăng trên trang web của Trường Chính trị tỉnh Hải Dương đã bàn về vấn đề tự quản địa phương trong hiến chương Châu Âu, cụ thể là đã nêu ra được các

yêu cầu, đòi hỏi, đặc điểm và điều kiện xây dựng mô hình tự quản địa phương theo quy định của Liên minh Châu Âu. Trong bài viết của Nguyễn Phương Thảo (2014), “Kinh nghiệm về tổ chức chính quyền địa phương (CQDP) của một số nước trên thế giới”, Ban Nội chính Trung ương, đã nghiên cứu về các mô hình tổ chức CQDP với 3 mô hình bao gồm: mô hình chính CQDP theo nguyên tắc phân quyền; mô hình CQDP, theo nguyên tắc phân quyền tập quyền; mô hình CQDP theo nguyên tắc phân quyền xã hội chủ nghĩa. Tác giả cũng đã nghiên cứu cách tổ chức chính quyền địa phương thực tế ở một số nước trên thế giới.

Trong bài viết này, tác giả kế thừa những công trình nghiên cứu trên trong việc làm rõ cơ sở lý luận về quản trị địa phương và các lý luận khác có liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu, nghiên cứu các mô hình quản trị địa phương ở một số quốc gia trên thế giới về đặc điểm, điều kiện áp dụng, ưu điểm, nhược điểm của mô hình, đánh giá mức độ tương thích của Việt Nam khi xem xét ứng dụng, vận dụng các mô hình nghiên cứu tiêu biểu để tổ chức quản trị địa phương Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.

3. Phương pháp nghiên cứu

Tác giả nghiên cứu cơ sở lý thuyết và thực tiễn từ sách giáo trình, sách chuyên khảo, các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp, các bài báo khoa học; các tài liệu sơ cấp, thứ cấp liên quan đến vấn đề quản trị địa phương; các tài liệu dịch, tài liệu hội thảo khoa học về quản trị địa phương của các nước trên thế giới và Việt Nam. Dựa trên những thông tin, tài liệu thu thập được, nhóm tác giả sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu như: Phương pháp quy nạp và diễn dịch, phương pháp phân tích, tổng hợp, so sánh.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận về quản trị địa phương và chuyển đổi số

4.1.1. Về quản trị địa phương

Ở cấp độ địa phương thì “quản trị địa phương” bắt đầu xuất hiện gắn với chuyển đổi cách tiếp cận từ “quản lý nhà nước” sang cách tiếp cận “quản trị nhà nước”. Do đó, cách tiếp cận “quản trị nhà nước ở địa phương” cũng dần thay thế cho “quản lý nhà nước ở địa phương”. Quản trị địa phương là việc quản trị ở cấp địa phương không chỉ thuộc về bộ máy chính quyền mà còn thuộc về cả cộng đồng nói chung và những tương tác giữa cộng đồng với các cơ quan công quyền địa phương. Như vậy, quản trị nhà nước ở địa phương hay nói cách khác là quản trị của chính quyền địa phương là một phần của quản trị địa phương (quản trị nhà nước thực hiện trên địa bàn lãnh thổ địa phương), được thực hiện dựa trên những nguyên tắc chung của quản trị nhà

nước, do chính quyền địa phương thực hiện để thực hiện chiến lược phát triển địa phương và đáp ứng yêu cầu của người dân.

Quản trị địa phương (Local Governance) là một trong 3 cấp độ của quản trị, đó là quản trị toàn cầu, quản trị quốc gia, quản trị địa phương. Quản trị địa phương bao gồm những thiết chế nhà nước và cả những thiết chế phi nhà nước ở tầm địa phương như: các quy phạm xã hội (quy ước, hương ước, tập tục) các mạng lưới xã hội, các tổ chức cộng đồng..., khuôn khổ cho các mối tương tác giữa công dân và công dân, công dân và nhà nước, cơ chế ra quyết định, cung cấp dịch vụ công ở cấp địa phương.

4.1.2. Về chuyển đổi số

Chuyển đổi số (Digital Transformation) hiện nay là một phần quan trọng nằm trong xu hướng phát triển của cách mạng công nghiệp 4.0. Khó có một định nghĩa rõ ràng và cụ thể về CDS vì quá trình áp dụng CDS sẽ có những khác biệt ở từng lĩnh vực khác nhau.

Thuật ngữ CDS được sử dụng chủ yếu mang ý nghĩa như là một phương tiện và nhờ vào công nghệ thông tin (CNTT) để giúp cho chúng ta làm tốt hơn công việc của mình. CDS không có nghĩa là chuyển đổi kỹ thuật số của tổ chức trừ khi CNTT là phần tích hợp của doanh nghiệp hay tổ chức và nó không có bất kỳ sự khác biệt nào. Tuy nhiên, thực tế hầu hết các tổ chức, CNTT lại chỉ là một bộ phận riêng rẽ, do đó, chỉ có mảng công nghệ là được chuyển đổi trong tổ chức.

CDS là áp dụng công nghệ số mới vào các quy trình kinh doanh mới hay thay đổi quy trình cũ để tạo những sản phẩm hay dịch vụ mới, nâng cao trải nghiệm khách hàng, nâng cao doanh thu, giảm chi phí vận hành... Đối với chính phủ điện tử (CPĐT) hay chính phủ số là dịch vụ công (DVC) tốt hơn cho người dân, công nhân viên chức có môi trường làm việc tốt hơn như dữ liệu được chia sẻ, tìm kiếm thông tin dễ dàng, bảo mật tốt... với tôn chỉ mục đích lấy người dân và doanh nghiệp (DN) làm trung tâm, một văn phòng không giấy, chữ ký số và giảm kinh phí vận hành.

4.2. Quản trị địa phương trong xu thế chuyển đổi số ở Việt Nam hiện nay

Hiện nay, trên thế giới, việc các doanh nghiệp đã sớm tiên hành CDS nhằm cải tiến các hoạt động bên trong như thay đổi phương thức sản xuất, kinh doanh, quản trị kinh doanh hướng đến đạt hiệu quả tích cực. Về phía bên ngoài, CDS của DN giúp đáp ứng những thay đổi về hành vi của khách hàng, tạo lợi thế trong cuộc đua về mặt khoa học kỹ thuật với đối thủ cạnh tranh (Verhoef và các cộng sự, 2021). Đối với khu vực công là một thể thống nhất, không tách rời với hoạt động của các DN hoặc nhu cầu

chính đáng của người dân mà phải luôn đồng hành, cùng phát triển. Vì vậy, chính phủ và nhiều tổ chức công đang dần chuyển dịch theo hướng cung cấp các dịch vụ đã được tối ưu hóa về quy trình và ứng dụng tối đa các tiến bộ khoa học kỹ thuật, bao gồm cả quá trình CDS (Matt, Hess, và Benlian, 2015). Cộng đồng Châu Âu (EC, 2019) cho biết CDS giúp thay đổi các quy trình và thay đổi cách thức cung cấp các dịch vụ của chính phủ đã đem lại những kết quả vượt lên trên những nỗ lực số hóa truyền thống.

Ở Việt Nam, trong 5 năm gần đây, quá trình CDS trong khu vực công được đẩy mạnh thông qua triển khai chính phủ điện tử. Cụ thể, khung pháp lý đồng bộ về xây dựng Chính phủ điện tử đang dần hoàn thiện hơn, sửa đổi các nghị định liên quan đến cơ chế đầu tư và thuê dịch vụ công nghệ thông tin sử dụng vốn nhà nước; nghị định về định danh và xác thực điện tử cho cá nhân, tổ chức; nghị định mới về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số; nghị định mới về bảo vệ dữ liệu cá nhân, tổ chức... Một số khuôn khổ pháp lý thử nghiệm (regulatory sandbox) cho mô hình kinh doanh mới, sản phẩm, dịch vụ số mới cũng đang được nghiên cứu, triển khai. Ngày 09/3/2021, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 316/QĐ-TTg về việc phê duyệt triển khai thí điểm dùng tài khoản viễn thông thanh toán cho các hàng hóa, dịch vụ có giá trị nhỏ, cho phép thí điểm Mobile Money trong 2 năm - Mobile Money mở đường để áp dụng Sandbox cho các dịch vụ mới.

Theo báo cáo khảo sát xếp hạng mức độ phát triển Chính phủ điện tử của 193 quốc gia, vùng lãnh thổ của Liên hợp quốc, năm 2020 Việt Nam xếp thứ hạng 86/193 quốc gia, 24/47 ở Châu Á và 6/11 ở khu vực Đông Nam Á, tăng 02 bậc so với năm 2018, tăng 03 bậc so với năm 2016 (UNDESA, 2020). Quá trình triển khai thực hiện việc ứng dụng CNTT vào xây dựng Chính phủ điện tử đã đạt được một số kết quả trên các mặt: đã xây dựng được cơ sở pháp lý dựa trên ban hành Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025; Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thuê dịch vụ CNTT.

Quản trị địa phương là hoạt động thực thi quyền lực hướng đến phục vụ nhân dân, đảm bảo vai trò và tiếng nói của nhân dân, xây dựng nền hành chính tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Nhân dân có thể thực hiện trực tiếp quyền làm chủ của mình hoặc gián tiếp thông qua các chủ thể khác nhau. Để làm được điều này, bộ máy chính quyền luôn phải bảo đảm sự minh bạch, từ quy trình cung cấp thông tin đến việc bảo đảm thực hiện những quyền cơ bản của công dân. Một bộ máy chính quyền cần tạo sự đồng

thuận rộng rãi trong xã hội, luôn quan tâm đến chất lượng cuộc sống của nhân dân. Quản trị địa phương tốt có bản chất là hướng tới xây dựng một nền hành chính minh bạch, tinh gọn, năng động và hiệu quả, nó hướng đến phục vụ công dân thay vì cai trị nhân dân như trong mô hình hành chính công truyền thống. Mô hình quản trị địa phương tốt hướng đến các giá trị: Mở rộng sự tham gia của công dân vào hoạt động quản lý nhà nước ở địa phương; hoạch định chính sách trên nguyên tắc đồng thuận xã hội; xây dựng một nền hành chính có trách nhiệm và minh bạch; trách nhiệm giải trình; hiệu quả và hiệu lực; công bằng, toàn diện và tuân thủ luật pháp.

Với ý nghĩa đó, để nâng cao chất lượng quản trị địa phương trong thời kỳ mới, đặc biệt là từ khi Việt Nam có kết nối Internet, đã đặt một nền móng vững chắc để Việt Nam tiến một bước dài trong quá trình quản lý nhà nước nói chung và quản trị địa phương nói riêng. Trong đó, CDS là cuộc chuyển đổi toàn diện từ không gian thực lên không gian số, cho phép đưa toàn bộ hoạt động quản lý các cấp, các ngành, lĩnh vực lên không gian số. Cuộc dịch chuyển này diễn ra với tốc độ nhanh chóng theo ba trụ cột: Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số. Giống như khai phá những vùng đất mới, không gian mạng được mở rộng sẽ tạo dư địa và mở ra không gian phát triển mới cho đất nước.

Ở cấp độ quốc gia, CDS là chuyển đổi Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số quốc gia. Ở cấp độ địa phương, CDS là chuyển đổi sang chính quyền số, kinh tế số và xã hội số trên địa bàn của địa phương đó. Địa phương CDS thành công sẽ đóng góp vào thành công chung của CDS quốc gia. Do vậy, CDS là nhiệm vụ cần sự vào cuộc quyết tâm của toàn hệ thống chính trị, triển khai xuyên suốt, đồng bộ từ cấp Trung ương đến địa phương.

CDS còn là cuộc cách mạng của toàn dân. CDS chỉ thực sự thành công khi mỗi một người dân tích cực tham gia và thụ hưởng các lợi ích mà CDS mang lại. CDS mang trong mình sứ mệnh lớn lao, đó là phổ cập và cá nhân hoá các dịch vụ (như dịch vụ giáo dục, dịch vụ y tế, ...) tới từng người dân để phục vụ người dân tốt hơn. CDS tạo ra cơ hội cho người dân ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo tiếp cận dịch vụ trực tuyến một cách công bằng, bình đẳng và nhân văn rộng khắp “không ai bị bỏ lại phía sau”.

4.3. Quan điểm về đổi mới mô hình quản trị địa phương gắn với chuyển đổi số

Ngay từ những năm 2000, Đảng và Nhà nước ta đã quan tâm đến việc ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan Nhà nước, xác định đây là động lực đẩy nhanh công cuộc đổi mới tạo khả năng đi tắt, đón đầu để thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Theo đó, Bộ Chính trị

(2014) ban hành Nghị quyết về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển CNTT trong tất cả các lĩnh vực, song có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên ứng dụng CNTT trong quản lý hành chính, cung cấp dịch vụ công, trước hết là trong lĩnh vực liên quan tới DN, người dân như giáo dục, y tế, giao thông, nông nghiệp.... Nghị quyết đã xác định mục tiêu cụ thể đến năm 2020 triển khai có hiệu quả chương trình cải cách hành chính, gắn kết chặt chẽ với việc xây dựng Chính phủ điện tử và cung cấp dịch vụ công trực tuyến ở mức độ cao và trong nhiều lĩnh vực (Bộ Chính trị, 2014). Cụ thể hóa chủ trương của Đảng, Chính phủ (2015) đã ban hành Nghị quyết về đẩy mạnh phát triển Chính phủ điện tử, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ quan Nhà nước, phục vụ người dân và DN ngày càng tốt hơn. Nâng vị trí của Việt Nam về Chính phủ điện tử theo xếp hạng của Liên Hợp Quốc. Công khai, minh bạch hoạt động của các cơ quan Nhà nước trên môi trường mạng.

Cách mạng công nghiệp lần thứ tư không chỉ là cuộc cách mạng về công nghệ, quan trọng hơn đó là cuộc cách mạng về thể chế, yêu cầu về đổi mới tư duy quản lý kinh tế và quản trị kinh doanh, quản lý xã hội sao cho phù hợp với tình hình mới (Bộ Chính trị, 2019). Theo tinh thần Nghị quyết số 52-NQ/TW (Chính phủ, 2020) ban hành nghị quyết về thực hiện các mục tiêu kép, vừa phát triển chính phủ số nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động; vừa phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế và phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số. Đặc biệt, trong Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, quá trình CDS được đề cập nhiều lần trong cả mục tiêu và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, cụm từ CDS được nhấn mạnh tới 21 lần, 06 lần lặp lại cụm từ “CDS quốc gia” mà trước hết là đẩy mạnh CDS trong khu vực công, đây là sự thể hiện tầm nhìn mang tính chiến lược và quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân hướng tới mục tiêu đến năm 2045 trở thành nước phát triển hiện đại, có thu nhập cao. Đây chính là luận cứ vững chắc thể hiện chủ trương đúng đắn của Đảng trong việc gắn quản lý nhà nước với công cuộc CDS quốc gia.

CDS là xu thế toàn cầu không thể đảo ngược, đây là cơ hội để Việt Nam hiện thực hóa khát vọng hùng cường. Thủ tướng Chính phủ đặt ra những mục tiêu tham vọng: mong muốn Việt Nam đứng trong nhóm 50 quốc gia đi đầu về phát triển CNTT ngay từ năm 2025; kinh tế số phải đóng góp một phần ba tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của đất nước vào cuối thập niên so với mức 5% hiện nay. Chính vì vậy, trong 3 đột phá chiến lược được nêu ra tại Đại hội XIII, có 2 đột phá liên quan đến CDS, kinh tế số: “Tiếp tục phát triển toàn diện nguồn nhân lực, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo gắn với khơi dậy khát vọng phát triển đất nước..., phát triển mạnh mẽ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và CDS để

tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh...” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, p. 220), “phát triển mạnh hạ tầng số, xây dựng và phát triển đồng bộ hạ tầng dữ liệu quốc gia, vùng, địa phương,... tạo nền tảng phát triển kinh tế số, xã hội số” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, p. 222).

4.4. Yêu cầu của chuyển đổi số trong quản trị địa phương ở Việt Nam hiện nay

Để phát huy những thành tựu của CDS trong quản trị địa phương, trong thời gian tới, Việt Nam cần quan tâm một số vấn đề sau:

Thứ nhất, hoàn thiện thể chế, trong đó ưu tiên xây dựng đồng bộ, có chất lượng và tổ chức thực hiện tốt hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách nhằm tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, công bằng, thúc đẩy đổi mới sáng tạo; huy động và quản lý sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực phát triển. Bên cạnh chú trọng thể chế cũng như tài chính, Chính phủ cần chú trọng xây dựng nguồn nhân lực số chất lượng cao để thu hẹp khoảng cách giữa các vùng miền cũng như quốc gia với khu vực và quốc tế (đội ngũ lãnh đạo số, công chức và viên chức số, đặc biệt là công dân số). Số hóa là chìa khóa để phát triển đất nước, nằm trong trọng tâm của tất cả các chiến lược của Chính phủ. Các dịch vụ số phải lấy con người làm trung tâm và được tích hợp vào các hệ thống hiện có, ngay cả khi có sự gián đoạn. Cần sự hợp tác liên ngành giữa các khu vực công và tư cũng như giữa các bộ của Chính phủ, chẳng hạn như giữa lĩnh vực y tế và kinh tế...

Thứ hai, quản trị địa phương phải dựa trên hiệu quả kinh tế và phúc lợi của người dân. Do đó, CDS phải gắn liền với việc quy hoạch cơ cấu kinh tế số phù hợp, hiệu quả trong từng ngành, lĩnh vực và giữa các ngành, lĩnh vực với toàn bộ nền kinh tế ở địa phương. Đồng thời, hướng tới phát triển các sản phẩm ở địa phương dựa trên công nghệ mới hoặc công nghệ cao và tạo đột phá về năng lực cạnh tranh của các ngành kinh tế mũi nhọn. Sự đột phá về CDS phải tạo ra những thay đổi đáng kể trong mô hình tăng trưởng cũng như năng suất, đồng thời tăng tính tự chủ, khả năng thích ứng và khả năng phục hồi của nền kinh tế.

Thứ ba, Chính quyền các địa phương cần gia tăng số lượng cơ quan được kết nối với nền tảng trao đổi dữ liệu quốc gia để chia sẻ càng nhiều loại dịch vụ công và xử lý các giao dịch của địa phương trên không gian số. Chính quyền các địa phương cần cam kết công nghệ kỹ thuật số và CNTT là động lực chính của tăng trưởng. Về quản lý kinh tế, việc số hóa các doanh nghiệp vừa và nhỏ là một ưu tiên trong khu vực tư nhân. Về các dịch vụ kỹ thuật số của địa phương, quá trình số hóa cho phép hợp lý hóa việc cung cấp dịch vụ, giúp công dân truy cập vào các tài liệu quan trọng đơn giản hơn, tiết kiệm

chi phí và hiệu quả hơn. Bước tiếp theo là cải thiện hơn nữa - hoặc thậm chí loại bỏ một số quy trình trong môi trường kỹ thuật số không cần thiết. Cần củng cố đầu tư, mở dữ liệu cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ để xây dựng các giải pháp phù hợp và mục tiêu, liên tục cải thiện môi trường pháp lý và bảo đảm môi trường hoạt động thuận lợi cho các doanh nhân và khu vực tư nhân nói chung để đổi mới nhanh chóng và hiệu quả.

Thứ tư, đẩy mạnh số hóa có chiều sâu mọi hoạt động của chính quyền địa phương các cấp. Khi các cơ quan công quyền được thống nhất theo mục tiêu và phần mềm, một văn hóa làm việc hiệu quả, mạnh mẽ sẽ được hình thành, giúp giảm bớt việc nhầm mục tiêu và hoàn thành bất kỳ chương trình nghị sự nào. Đơn giản hóa sự tương tác giữa người dân, DN với Nhà nước để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế; giới thiệu các công cụ và nguyên tắc dân chủ điện tử để cho phép mọi người tham gia vào quá trình ra quyết định hàng ngày của chính quyền địa phương thông qua một nền tảng minh bạch mở, dữ liệu mở và phương thức trung gian kết nối các ứng dụng và thư viện khác nhau (API).

Thứ năm, chủ động tạo ra một nền văn hóa trên không gian số. Nền văn hóa này tạo ra một cộng đồng tổ chức tốt hơn, dễ thích ứng hơn, duy trì hiệu quả và gắn bó với các chức năng và dịch vụ kỹ thuật số của một tổ chức. Điều này đặc biệt quan trọng trong khu vực công. Khi một nền văn hóa trên không gian số giúp nhân viên liên tục cải thiện kỹ năng làm việc, tinh thần phục vụ, đổi mới và sáng tạo liên tục qua không gian mạng. Do vậy, chuyển đổi kỹ thuật số gắn chặt với chuyển đổi văn hóa - chúng là hai mặt của một vấn đề, phụ thuộc vào nhau để phát triển và tồn tại.

5. Thảo luận

Với vai trò dẫn dắt và là cầu nối của các chủ thể, CDS trong quản trị địa phương sẽ kéo theo những thay đổi theo hướng tích cực của các ngành dịch vụ công khác bằng cách vượt qua các rào cản năng lực công nghệ, tăng cường trao đổi, thúc đẩy tự động hóa,... hướng đến ứng dụng công nghệ mới, tăng khả năng cạnh tranh và sáng tạo của nền kinh tế tri thức. Việc CDS trong quản trị địa phương tại Việt Nam cần quán triệt các quan điểm nhận thức sau:

Một là, CDS trong quản trị nhà nước là yêu cầu khách quan đáp ứng nhiệm vụ CDS được đề ra trong Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, trong đó, toàn bộ hoạt động quản trị nhà nước được thực hiện an toàn trong môi trường số, có mô hình hoạt động được thiết kế lại và vận hành dựa trên dữ liệu và công nghệ số, để có khả năng cung cấp dịch vụ chất lượng hơn, đưa ra quyết định kịp thời hơn, ban hành chính sách tốt hơn, sử dụng nguồn lực tối ưu hơn, kiến tạo phát triển, dẫn

dắt CDS quốc gia, giải quyết hiệu quả những vấn đề lớn trong phát triển và quản lý kinh tế - xã hội.

Hai là, mỗi giai đoạn của quá trình CDS trong quản trị nhà nước đòi hỏi phải sử dụng các công nghệ kỹ thuật số cụ thể, phản ánh bản chất và đặc điểm của tổ chức, cũng như các công nghệ đảm bảo sự kết nối của tất cả các giai đoạn và đảm bảo đồng bộ hóa tính liên tục.

Ba là, phát triển Chính phủ số một cách tổng thể, toàn diện, phát huy kết quả đạt được, tập trung nguồn lực, huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị, có giải pháp, cách làm đột phá, mang tính khác biệt, đề cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu phát triển Chính phủ điện tử vào năm 2021 và hình thành Chính phủ số vào năm 2025.

Bốn là, định hướng mở để người dân, DN và tổ chức khác tham gia một cách phù hợp vào hoạt động của cơ quan nhà nước, tương tác với cơ quan nhà nước để cùng tăng cường minh bạch, nâng cao chất lượng dịch vụ, cùng giải quyết vấn đề và cùng tạo ra giá trị cho xã hội.

Năm là, dữ liệu là tài nguyên mới. Cơ quan nhà nước mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số. Các cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ dữ liệu để người dân chỉ phải khai báo, cung cấp dữ liệu một lần cho các cơ quan nhà nước và các đơn vị cung ứng dịch vụ công thiết yếu.

Sáu là, nền tảng là giải pháp đột phá. Kết hợp mô hình hiện khai tập trung và phân tán, tuân thủ Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam và Kiến trúc của các bộ, ngành, địa phương. Phát triển các nền tảng theo hướng cung cấp dịch vụ đồng bộ, thống nhất các cấp hành chính để có thể sử dụng tại mọi nơi. Các nền tảng, ứng dụng và dịch vụ quy mô quốc gia phải được làm trước, làm tốt, làm tập trung.

Bảy là, thị trường trong nước nuôi dưỡng, phát triển sản phẩm công nghệ số “Make in Việt Nam”, từ đó vươn ra khu vực và thế giới. Chính phủ chủ động điều phối, quy hoạch, triển khai các hoạt động mang tính định hướng, kiến tạo thị trường nhằm mục tiêu kép vừa phát triển Chính phủ số, vừa phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam. Đa dạng về quy mô, hướng tới làm chủ, phát triển các công nghệ lõi, nền tảng mở phục vụ Chính phủ số, hình thành hệ sinh thái ứng dụng, dịch vụ “Make in Việt Nam”.

Tám là, việc chuyển thông tin quy mô lớn sang định dạng kỹ thuật số đòi hỏi phải gia tăng mức độ bảo mật thông tin và bảo vệ dữ liệu khỏi sự truy cập trái phép dẫn đến rò rỉ các thông tin của Nhà nước.

6. Kết luận

Trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, với sự phát triển nhanh chóng của công

nghệ dẫn đến sự ra đời của “nền kinh tế điện tử”, các mô hình kinh tế thay đổi liên tục, do đó các cơ chế chính sách không kịp thay đổi thì sẽ dẫn đến sự “thiếu” các thể chế kinh tế cần thiết trong quá trình quản trị sự phát triển. Giải pháp CDS mặc dù đã được ban hành, nhưng trong thực hiện còn nhiều hạn chế, bất cập, chưa theo kịp xu thế của sự phát triển hiện nay. Do vậy, việc đẩy mạnh CDS trong

quản trị địa phương là yêu cầu cấp thiết để tạo lập môi trường quản trị minh bạch, có thể tranh thủ thời cơ để phát triển ở các địa phương, đi tắt, đón đầu, đi ngay vào hiện đại ở những ngành, lĩnh vực có điều kiện để thu hẹp khoảng cách về khoa học công nghệ, về trình độ phát triển đối với các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới.

Tài liệu tham khảo

Cúc, N. S. (2014). Nguồn nhân lực và phát triển nguồn nhân lực. *Tạp chí Lý luận Chính trị*, số 2.

Đảng bộ tỉnh Bình Dương. (2020a). *Văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Dương lần thứ XI*.

Đảng bộ tỉnh Bình Dương. (2020b). *Văn kiện đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Dương lần thứ XI nhiệm kỳ 2020-2025*.

Đảng Cộng sản Việt Nam. (2011). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.

Đảng Cộng sản Việt Nam. (2020). *Văn kiện Đại hội XIII*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật.

Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII - Tập 1*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật.

Tỉnh ủy Bình Dương. (2019). *Tổng kết Đề án sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tỉnh Bình Dương tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khóa XII*. Báo cáo số 726-BC/TU. Bình Dương.

Tỉnh ủy Bình Dương. (2020). *Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ khoa học - kỹ thuật và đội ngũ công nhân lao động đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh*. Báo cáo số 450-BC/TU Tổng kết Chương trình số 20-CTr/TU, ngày 09/8/2016.

QUẢN TRỊ ĐỊA PHƯƠNG TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Nguyễn Thế Vinh

Trường Đại học Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

Email: thevinhbtg1986@gmail.com

Nhận bài: 17/10/2022; Phản biện: 21/10/2022; Tác giả sửa: 24/10/2022; Duyệt đăng: 31/10/2022; Phát hành: 18/11/2022

DOI: <https://doi.org/10.54163/0866-773X/775>

Chuyển đổi số trong quản trị quốc gia đã và đang trở thành xu thế tất yếu của các quốc gia trên thế giới. Đối với Việt Nam, chuyển đổi số là một trong những mục tiêu được quan tâm hàng đầu của Chính phủ trong cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0. Trên thực tế, Việt Nam là một trong những quốc gia đầu tiên trên thế giới ban hành Chiến lược chuyển đổi số quốc gia, đưa Việt Nam trở thành quốc gia có nhận thức chuyển đổi số song hành cùng các quốc gia tiên tiến trên thế giới. Qua đó, quản trị nhà nước nói chung và quản trị địa phương nói riêng gắn với chuyển đổi số đã làm thay đổi nhận thức của lãnh đạo đất nước, nhất là ở cấp địa phương, góp phần nâng cao chất lượng quản trị mọi mặt của địa phương Việt Nam trong điều kiện mới.

Từ khóa: Bình Dương; Địa phương; Quản trị địa phương; Chuyển đổi số; Việt Nam.